TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2023
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 794/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1979.
- Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 2, xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau từ năm 2001 do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện QS, tỉnh QN do cả hai cùng tự nguyện. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống do không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, khi vợ chồng mâu thuẫn anh T đã nhiều lần đánh chị nhưng cũng vì con nên chị cố gắng để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Những năm gần đây, mặc dù anh T không thường xuyên đánh chị nhưng trong cuộc sống chị không cảm nhận được hạnh phúc gia đình, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với vợ con, mặc dù chị cố gắng nhiều

lần bàn bạc để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thể nói chuyện được với anh T, hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Nay các con chị đã lớn và hiểu chuyện, chị xét thấy nếu kéo dài mối quan hệ hôn nhân không hạnh phúc sẽ gây mệt mỏi cho cả hai. Vì vậy, chị tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có hai con chung:

+ Cháu Trần Quốc B, sinh năm 2002 đã trưởng thành

+ Cháu Trần Quốc A, sinh ngày 17/3/ 2009

Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quốc A. Về cấp dưỡng, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hiện tại anh T đang làm công nhân ở khu công nghiệp MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thu nhập của anh T bao nhiêu tiền 1 tháng và làm ở công ty nào chị không biết, vì anh T cũng không cho chị biết và không phụ giúp chị trong việc nuôi con.

Hiện công việc của chị là may gia công tại nhà thu nhập B quân một tháng khoảng 7.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Có nhà và đất tọa lạc tại xã TH nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết để chị và anh T tự thỏa thuận với nhau.

- Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Trần Quốc T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị B và chứng cứ tại hồ sơ thể hiện quá trình chung sống đến hiện tại, chị B và anh T sống không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không bàn bạc đoàn tụ được, thời gian ly thân kéo dài. Anh T đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị B yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

+ Về con chung: Có hai con chung tên Trần Quốc B, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Trần Quốc A, sinh ngày 17/3/2009, ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quốc A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét phù hợp nguyện vọng cháu Quốc A và phù hợp qui định pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Trần Quốc T có nơi cư trú tại xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Quốc T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét hôn nhân giữa chị B và anh T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 quyển số 22/2001 tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cũng như thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không chấp hành tống đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy anh T không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị B, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định. Vì vậy, căn cứ lời khai, chứng cứ chị B cung cấp cũng như kết quả xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2021 không bàn bạc đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt theo như lời khai của chị B là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, việc chị B yêu cầu được ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Quốc B, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Trần Quốc A, sinh ngày 17/3/2009, ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A. Xét phù hợp nguyện vọng cháu A nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị B yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A 1.000.000 đồng/tháng. Xét phù hợp chi phí thiết yếu nuôi con và khả năng cấp dưỡng của anh T nên chấp nhận buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quốc A mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Theo luật định chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B đối với bị đơn anh Trần Quốc T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh B được ly hôn anh Trần Quốc T.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Trần Quốc B, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Trần Quốc A, sinh ngày 17/3/2009, xử giao cho chị Nguyễn Thị Thanh B được quyền nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Quốc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị B nuôi dưỡng cháu Trần Quốc A mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì quyền lợi của cháu A, anh T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh T bị hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006293 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị B đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã Quế Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

Nguyễn Thị Thanh Hà